

Nghiên cứu xây dựng và vận hành Trung tâm lưu ký và giao dịch quốc tế về tín chỉ các-bon, liên thông với sàn giao dịch tín chỉ các-bon quốc gia tại Việt Nam

Nguyễn Văn Hiến¹

Trước những lo ngại về khí hậu toàn cầu ngày càng gia tăng, các quốc gia trên thế giới đã ký kết thỏa thuận toàn cầu nhằm thể hiện sự cam kết mạnh mẽ để chung tay tìm kiếm các giải pháp sáng tạo để giảm thiểu phát thải khí nhà kính và tác động của nó đối với môi trường. Việt Nam là một trong những thành viên tích cực tham gia và có trách nhiệm, nhưng đồng thời cũng là một nước bị ảnh hưởng nặng nề nhất của biến đổi khí hậu. Nhận thấy sự cần thiết phải giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu, Việt Nam đang triển khai nghiên cứu việc thành lập thị trường các-bon trong nước, trong đó việc xây dựng và vận hành một hệ thống lưu ký các-bon được coi là một trụ cột quan trọng, trên cơ sở học hỏi kinh nghiệm từ các mô hình trên thế giới. Bài viết này đi sâu vào việc phân tích, đánh giá điều kiện, bối cảnh của Việt Nam và rút ra bài học kinh nghiệm từ các hệ thống lưu ký trên thế giới để đề xuất các giải pháp xây dựng một hệ thống lưu ký các-bon hiệu quả cho Việt Nam.

Từ khóa: Các-bon; Hệ thống đăng ký; Thị trường các-bon; Trung tâm lưu ký.

1. Mở đầu

Thực hiện cam kết cắt giảm khí nhà kính theo các thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam là một bên tham gia, đặc biệt các các thỏa thuận quan trọng như **Nghị định thư Kyoto** và **Thỏa thuận Paris**, việc phát triển thị trường các-bon với vai trò là một công cụ chính sách quan trọng giảm thiểu phát thải khí nhà kính, được xem là yêu cầu cấp thiết, vừa góp phần thể hiện là một thành viên tích cực, trách nhiệm đối với cuộc chiến chống biến đổi khí hậu, vừa khuyến khích đổi mới công nghệ, sáng tạo, tăng cường khả năng cạnh tranh kinh tế, thương mại, đồng thời đóng góp quan trọng vào việc bảo vệ môi trường và phát triển bền vững đất nước. Trong nỗ lực xây dựng, phát triển thị trường các bon này, việc xây dựng, vận hành một hệ thống đăng ký các bon được coi là một trụ cột quan trọng. Nhiệm vụ này cần được ưu tiên thực hiện trước bởi vì nó được coi là một trung tâm dữ liệu quan trọng để trên cơ sở đó các thành phần khác trong thị trường các bon.

2. Thực trạng xây dựng và vận hành hệ thống đăng ký các bon tại Việt Nam

Tại Việt Nam, vấn đề xây dựng thị trường các bon đã được đặt ra từ năm 2011. Nhiều chủ trương, chính sách, pháp luật đã được ban hành với nhiều nội dung, quy định liên quan đến định hướng, yêu cầu về việc thành lập một thị trường các bon. Những văn bản quan trọng bao gồm:

- Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường (2013); Nghị quyết số 55-NQ/TW của Bộ chính trị về định hướng chiến lược phát triển năng lượng quốc gia của Việt Nam

¹ Nghiên cứu viên. Trung Tâm Tham vấn WTO – Viện Nghiên cứu chiến lược, chính sách Công Thương

đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (2020); Kết luận số 56-KL/TW của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về đẩy mạnh chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường (2019).

- Các Luật, chiến lược có liên quan đến giảm phát thải khí nhà kính: Luật Bảo vệ môi trường (2020); Nghị định 06/2022/NĐ-CP quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ozon; Luật Lâm nghiệp (2017); Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả (2011); Chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu giai đoạn đến năm 2050 (2022); Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030 (2021); Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021-2030 (2021); Chiến lược phát triển năng lượng tái tạo của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (2015); Chiến lược phát triển giao thông vận tải Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (2013); Chiến lược phát triển năng lượng quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050 (2007).

Các chương trình, quy hoạch, kế hoạch, đề án liên quan trực tiếp đến giảm phát thải khí nhà kính: Kế hoạch hành động giảm phát thải khí mê-tan đến năm 2030 (2022); Kế hoạch hành động ngoại giao khí hậu của Bộ Ngoại giao triển khai cam kết của Việt Nam tại COP26 giai đoạn 2022-2025 (2022); Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí các-bon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải (2022); Kế hoạch hành động của ngành Xây dựng ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn đến năm 2050 thực hiện cam kết của Việt Nam tại Hội nghị COP26 (2022); Kế hoạch hành động của Bộ Công Thương triển khai cam kết của Việt Nam tại Hội nghị COP26 (2022); Kế hoạch bảo vệ môi trường ngành Công Thương giai đoạn 2025-2030 (2020);

Có thể nói những khung khổ chính sách và pháp lý cho việc xây dựng, phát triển thị trường các bon là khá đầy đủ, toàn diện. Tuy nhiên, cho đến tận năm 2022 cũng chưa có tiến bộ đáng kể nào được ghi nhận trong việc xây dựng thị trường các bon. Với việc ban hành Nghị định 06/2022/NĐ-CP quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ozon, vấn đề xây dựng thị trường các bon một lần nữa được đặt ra mạnh mẽ hơn, theo đó “Đề án phát triển thị trường các-bon trong nước” giao Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Công Thương và các bộ, ngành khác thực hiện. Bộ Tài chính được giao chủ trì xây dựng, thành lập sàn giao dịch tín chỉ các-bon và ban hành cơ chế quản lý tài chính cho hoạt động của thị trường các-bon, đang nghiên cứu xây dựng Đề án để trình Thủ tướng phê duyệt.

Đối với thị trường các-bon trong nước, lộ trình phát triển và triển khai đã được Chính phủ ban hành tại Nghị định số 06/2022/NĐ-CP ngày 07/01/2022 quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn. Theo đó, từ nay đến hết năm 2027, sẽ tập trung xây dựng các hệ thống quy định, chính sách tạo nền tảng cho thị trường vận hành cũng như thành lập và tổ chức vận hành thí điểm sàn giao dịch tín chỉ các-bon, hướng đến chính thức vận hành Sàn giao dịch tín chỉ các-bon vào năm 2028. Lộ trình cụ thể như sau:

1. Giai đoạn đến hết năm 2027

a) Xây dựng quy định quản lý tín chỉ các-bon, hoạt động trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon; xây dựng quy chế vận hành sàn giao dịch tín chỉ các-bon;

b) Triển khai thí điểm cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các bon trong các lĩnh vực tiềm năng và hướng dẫn thực hiện cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước và quốc tế phù hợp với quy định của pháp luật và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

c) Thành lập và tổ chức vận hành thí điểm sàn giao dịch tín chỉ các-bon kể từ năm 2025;

d) Triển khai các hoạt động tăng cường năng lực, nâng cao nhận thức về phát triển thị trường các-bon.

2. Giai đoạn từ năm 2028

a) Tổ chức vận hành sàn giao dịch tín chỉ các-bon chính thức trong năm 2028;

b) Quy định các hoạt động kết nối, trao đổi tín chỉ các-bon trong nước với thị trường các-bon khu vực và thế giới.

Ở khía cạnh thị trường các bon tự nguyện, trong giai đoạn vừa qua, Việt Nam chưa có nghĩa vụ bắt buộc phải cắt giảm phát thải khí nhà kính nên các doanh nghiệp không có nhu cầu mua tín chỉ các-bon mà chỉ được trao đổi theo các cơ chế hợp tác với quốc tế.

Việc phát triển thị trường các bon dừng lại ở việc có nhiều tổ chức, doanh nghiệp trong nước đã tham gia thực hiện các dự án theo Cơ chế phát triển sạch, Cơ chế tín chỉ chung, cơ chế trao đổi tín chỉ các-bon theo chương trình hợp tác và một số cơ chế trao đổi tín chỉ các-bon tự nguyện khác.

Tính đến nay Việt Nam có hơn 300 chương trình, dự án đăng ký thực hiện theo các cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các bon... trong đó có khoảng 150 chương trình, dự án (chủ yếu trong 4 cơ chế tín chỉ là: Cơ chế phát triển sạch (CDM), Cơ chế tín chỉ chung (JCM), Tiêu chuẩn vàng (GS), cơ chế các-bon được thẩm định (GCS)) được cấp 40,2 triệu tín chỉ và trao đổi trên thị trường các-bon thế giới.

Ngoài ra, có khoảng 50 dự án phát hành tín chỉ các-bon theo cơ chế của Hội đồng các-bon toàn cầu (GCC) đã được đệ trình.

Theo ghi nhận mới nhất, ngày 29/9, tại Thành phố Hồ Chí Minh, Tập đoàn CT Group chính thức ra mắt Công ty Cổ phần Sàn giao dịch Tín chỉ các-bon ASEAN (CCTPA). Công ty này trở thành doanh nghiệp đầu tiên tại Việt Nam khởi động Sàn giao dịch tín chỉ các-bon (Net zero), chủ động thích ứng chính sách thương mại về môi trường quốc tế, đồng thời hướng tới nền kinh tế các-bon thấp và có tốc độ phát triển vượt bậc.

Trong bối cảnh Đề án “phát triển thị trường các bon trong nước” và Đề án thành lập và vận hành sàn giao dịch tín chỉ các bon’ chưa hoàn thành khiến cho việc xây dựng một trung tâm lưu ký các bon hầu như chưa có tiến triển gì. Ngoài ra, cũng chưa có những nghiên cứu nào mang tính chuyên sâu, toàn diện về việc xây dựng và vận hành một trung tâm lưu ký các bon.

3. Kinh nghiệm quốc tế về xây dựng và vận hành thị trường các bon, sàn giao dịch tín chỉ các bon và trung tâm dữ liệu lưu ký và giao dịch quốc tế về tín chỉ các-bon

3.1. Hệ thống giao dịch hạn ngạch phát thải (EU ETS)

Hệ thống giao dịch hạn ngạch phát thải Liên minh châu Âu (EU ETS) ra mắt năm 2005, ban đầu được thiết kế như một phương tiện chính để đáp ứng mục tiêu Nghị định thư Kyoto 2012 của Liên minh Châu Âu theo cách tiết kiệm chi phí đồng thời giảm thiểu tác động tiêu cực đến tăng trưởng kinh tế và việc làm. Sau đó, Liên minh Châu Âu đã phát triển các mục tiêu giảm phát thải tuân tự cho năm 2020 và 2030, trong đó hệ thống trao đổi phát thải vẫn được coi là “nền tảng” để đáp ứng các mục tiêu này vì nó bao gồm khoảng 45% lượng phát thải của EU. EU ETS cũng sẽ đóng vai trò trung tâm trong mục tiêu giảm nhẹ dài hạn của Liên minh Châu Âu nhằm đạt được trạng thái trung hòa về khí hậu vào năm 2050.

EU ETS đã đạt được mục tiêu đề ra là đáp ứng mức phát thải mục tiêu, trong đó việc giảm phát thải từ quá trình đốt nhiên liệu trong ngành điện đóng vai trò lớn nhất. Tuy nhiên, bằng chứng cho thấy đây không phải là động lực chính giúp giảm phát thải trong các lĩnh vực mà nó phụ trách, do việc phân bổ hạn ngạch quá mức và dẫn đến tín hiệu giá yếu (tức là giá hạn ngạch thấp).

3.2. Thực trạng Hệ thống đăng ký liên minh (Union Registry)

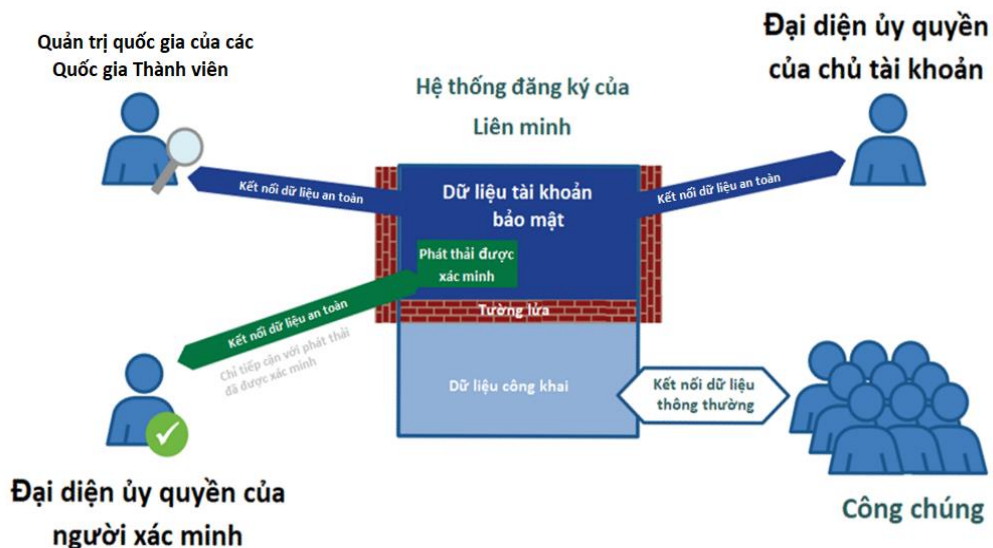
Trong giai đoạn đầu của EU ETS, mỗi quốc gia thành viên EU đều có Hệ thống đăng ký hạn mức phát thải riêng (National registries). Tuy nhiên, vào năm 2012, các Hệ thống đăng ký này đã được thay thế bằng Hệ thống đăng ký Liên minh (Union Registry) duy nhất, cung cấp cơ sở hài hòa để giao dịch hạn ngạch phát thải trên toàn EU. Hệ thống đăng ký duy nhất này được Ủy ban Châu Âu với tư cách là “Central Administrator – Quản trị Trung ương” vận hành và duy trì, trong khi người quản trị Hệ thống đăng ký quốc gia (National Administrators) ở tất cả các quốc gia tham gia EU ETS vẫn là đầu mối liên hệ của các đại diện của hơn 20.000 tài khoản của các công ty và cá nhân (dữ liệu được nêu trong Báo cáo Ủy ban Châu Âu ngày 18 tháng 11 năm 2015 về hoạt động của thị trường các-bon châu Âu (COM (2015) 576 bản cuối cùng).

Mặc dù hoạt động của các hệ thống đăng ký đã được hợp nhất thành một hệ thống đăng ký duy nhất của EU, nhiều vấn đề hành chính như quản lý những người tham gia hệ thống EU ETS và tài khoản của họ hoặc việc thực hiện việc phân bổ các đơn vị hạn ngạch vẫn do cơ quan có thẩm quyền của từng Thành viên EU và các quốc gia EEA EFTA xử lý.

Hệ thống đăng ký quốc gia theo Nghị định thư Kyoto (KP) của các Quốc gia Thành viên EU và các Quốc gia EEA EFTA cũng đã được hợp nhất với hệ thống đăng ký của Liên minh. Mặc dù hệ thống hợp nhất còn được gọi là Hệ thống đăng ký hợp nhất của EU (CSEUR) cấp quyền truy cập duy nhất vào tài khoản KP và tài khoản EU ETS, hệ thống đăng ký quốc gia KP vẫn có nghĩa vụ và mối liên hệ riêng biệt với hệ thống UNFCCC. Tất cả các quốc gia thành viên EU hiện nay đều sử dụng cùng một phần mềm đăng ký được duy trì và lưu trữ, quản lý bởi Ủy ban. Việc chuyển đổi sang hệ thống đăng ký Liên minh cũng đã cho phép đảm bảo tiêu chuẩn bảo mật cao hơn và hài hòa hơn.

Ngoài hệ thống đăng ký của Liên minh, Hệ thống Đăng nhập giao dịch của Liên minh Châu Âu (EUTL) còn tự động kiểm tra, ghi lại và cho phép tất cả các giao dịch diễn ra giữa các tài khoản trong hệ thống đăng ký của Liên minh. Việc

xác minh này đảm bảo rằng mọi giao dịch hạn ngạch từ tài khoản này sang tài khoản khác đều phù hợp với các quy tắc của EU ETS. Cơ quan Nhật ký giao dịch của Liên minh Châu Âu là sự kế thừa của Nhật ký Giao dịch Độc lập Cộng đồng (CITL), có vai trò tương tự trước khi thành lập Hệ thống Đăng ký Liên minh. Trang web công khai của EUTL cung cấp quyền truy cập vào thông tin và báo cáo công khai về người tham gia và hiệu suất của ETS. Thông tin được cung cấp cho tất cả mọi người và tần suất cập nhật thông tin được quy định tại các phụ lục của Quy chế đăng ký.



Hình 1. Hệ thống Đăng ký Liên minh

Sơ đồ này mô tả một số quy trình trong Hệ thống đăng ký Liên minh. Nhà vận hành cơ sở phát thải và nhà vận hành có nghĩa vụ tuân thủ bắt buộc về mặt pháp lý phải mở một tài khoản nắm giữ nhà vận hành tại hệ thống đăng ký quốc gia của Quốc gia Thành viên nơi đặt cơ sở hoặc tại Quốc gia Thành viên được chỉ định cho nhà khai thác đó.

3.3. Thị trường các-bon Hàn Quốc

Hàn quốc có thời gian chuẩn bị cho việc xây dựng thị trường các bon từ năm 2011. Nhưng hệ thống ETS của HQ (K-ETS) được chính thức khởi động vào năm 2015.

Tất cả các cơ sở có lượng phát thải hàng năm vượt quá 125.000 tấn CO₂ tương đương hoặc sở hữu các cơ sở có lượng phát thải hàng năm vượt quá 25.000 tấn CO₂ tương đương là đối tượng bắt buộc tham gia ETS. Trong khi các cơ sở với mức phát thải trung bình và thấp được quyền tự nguyện tham gia Hệ thống giao dịch phát thải. Các loại khí nhà kính được phép giao dịch bao gồm CO₂, N₂O, HFC, PFC và SF₆.

Các chủ thể trong các ngành khác nhau, bao gồm thép, xi măng, hóa dầu và năng lượng, đều tham gia ETS. Những cơ sở này bắt buộc phải kiểm kê khí nhà

kính. Báo cáo khí nhà kính của họ phải được thẩm định bởi các cơ quan thẩm định độc lập. Sau khi báo cáo kiểm kê KNK của họ được thẩm định, họ được đưa vào danh sách đăng ký phân bổ hạn ngạch theo quy định của chính phủ. Các đối tượng tham gia bắt buộc sẽ được phân bổ một số lượng hạn ngạch miễn phí nhất định. Các cơ sở có quyền mua bán hạn ngạch thừa/thiếu thông qua hình thức đấu giá.

Hệ thống cho phép vay mượn hạn ngạch giữa các đơn vị tham gia hệ thống và có thể sử dụng một tỷ lệ nhất định tín chỉ từ các chương trình bù trừ các bon để thực hiện nghĩa vụ phát thải của mình. Cuối kỳ tuân thủ, các cơ sở này phải đối từ hạn ngạch tương ứng với lượng phát thải thực tế của họ. Các cơ sở không tuân thủ các quy định của ETS sẽ bị phạt, mức phạt tương đương 91 USD/tấn CO₂ tương đương.

Bộ Môi trường HQ là cơ quan chịu trách nhiệm quản lý hệ thống ETS của Hàn Quốc. Bộ Kinh tế và Tài chính hiện là Chủ tịch Ủy ban phân bổ quốc gia (trước đây có thời gian từ 6/2016 đến tháng 1/2018 là cơ quan được giao chịu trách nhiệm quản lý hệ thống ETS). Sàn giao dịch Hàn Quốc (Korea Exchange – KRX) là sàn đấu giá và giao dịch các-bon. Trung tâm Nghiên cứu và Kiểm kê KNK (GIR) là trung tâm lưu ký thuộc K-ETS.

3.4. Thị trường các bon Trung Quốc

Việc phát triển thị trường các bon của TQ bắt đầu bằng việc thành lập 7 thị trường các-bon thử nghiệm theo quy định của Nghị định thư Kyoto vào năm 2011, bao gồm Bắc Kinh, Thượng Hải, Quảng Đông, Thiên Tân, Hồ Bắc và Quảng Tây. Ủy ban Cải cách và Phát triển Quốc gia (NDRC) được chỉ định là cơ quan quản lý và vận hành các thị trường này. Các sàn giao dịch khí thải sau đó được xúc tiến thành lập bởi NDRC trên cơ sở tham vấn, hợp tác với chính quyền tỉnh và thành phố, và xin ý kiến đóng góp từ các nhà lãnh đạo, chuyên gia và tham vấn cấp cao ở Bắc Kinh.

NDRC đã phát triển quy trình ba giai đoạn để phát triển thị trường:

- xây dựng các yếu tố nền tảng như đăng ký, sàn giao dịch và giám sát, báo cáo và thẩm định (MRV);
- giai đoạn thử nghiệm vận hành; và
- thực hiện giao dịch chính thức.

Mỗi Hệ thống mua bán khí thải thử nghiệm (ETS) ở Trung Quốc đều có thiết kế độc đáo phù hợp với đặc điểm địa phương, được phát triển với sự tham vấn của các cơ quan chính quyền trung ương. ETS kết hợp việc phân bổ miễn phí và đấu giá các khoản hạn ngạch phát thải dựa trên lượng phát thải lịch sử (thay đổi từ 3-10% theo mỗi hệ thống ETS và theo năm). Doanh nghiệp có thể mua bán theo hình thức đấu giá hạn ngạch thặng dư/thiếu hụt để phục vụ nhu cầu đáp ứng nghĩa vụ phát thải của mình.

Cơ chế đấu giá và kiểm soát giá diễn ra tại các sàn giao dịch chứng khoán địa phương, do Hội đồng Cải cách và Phát triển địa phương quản lý. Việc giám sát thị trường được hỗ trợ thông qua các hệ thống Giám sát, Báo cáo và Thẩm định (MRV), được triển khai khá hiệu quả với sự hỗ trợ của Ngân hàng Thế giới và chính phủ trung ương. Các doanh nghiệp báo cáo dữ liệu phát thải lên hệ thống MRV quốc gia. Các báo cáo được thẩm định bởi một cơ quan độc lập.

ETS của Trung Quốc cũng cho phép các doanh nghiệp dự trữ hạn ngạch chưa sử dụng hoặc dư thừa cho kỳ tuân thủ tiếp theo. Trung Quốc cũng cho phép được sử dụng một tỷ lệ tín chỉ bù trừ được phát hành trong các chương trình, dự án được thực hiện tại Trung Quốc.

3.5. Hệ thống trao đổi phát thải của Thái Lan

Nhận thức được vai trò then chốt của cơ chế thị trường trong việc giảm phát thải hiệu quả về mặt chi phí, Thái Lan đang tích cực tích hợp Hệ thống Thương mại Phát thải (ETS) và các cơ chế thị trường khác vào khuôn khổ hành động khí hậu quốc gia. Sáng kiến tiên bộ này phù hợp với tầm nhìn của Thái Lan về phát triển bền vững và quản lý môi trường.

Trụ cột và động lực thúc đẩy chính của ETS của Thái Lan bao gồm Chương trình giảm phát thải tự nguyện Thái Lan (T-VER), Chương trình trao đổi phát thải tự nguyện Thái Lan (V-ETS Thái Lan) và Chương trình bù trừ các-bon Thái Lan (T-COP). Những sáng kiến này thể hiện cam kết đối với các dự án giảm phát thải tự nguyện, thử nghiệm nghiêm ngặt các hệ thống Giám sát, Báo cáo và Thẩm định (MRV) và thúc đẩy các đóng góp để thúc đẩy các hoạt động giảm phát thải trong nước.

Hệ thống MRV của Thái Lan tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế như ISO 1464-1, 14064-3 và 14065, tập trung thử nghiệm thí điểm trên các ngành công nghiệp quan trọng như sản xuất điện, lọc dầu, xi măng, sắt, thép, giấy, thủy tinh, nhựa, gốm sứ và chế biến thực phẩm. Việc áp dụng cơ chế Cap and Trade cũng cố thêm cam kết của Thái Lan, đặt ra giới hạn phát thải, áp dụng hình phạt nếu vượt quá và đưa ra các biện pháp khuyến khích giảm phát thải.

Hệ thống đăng ký tín chỉ các-bon Thái Lan là một hệ thống điện tử có thể truy cập được thông qua "nền tảng dựa trên web kỹ thuật số" và hỗ trợ thực hiện các quy định của ủy ban, Cơ quan quản lý khí nhà kính Thái Lan, liên quan đến các quy định đăng ký mua, bán và chuyển nhượng tín chỉ các-bon 2022.

4. Bài học kinh nghiệm cho Việt Nam

Thiết kế, xây dựng và vận hành một hệ thống đăng ký các-bon hay một trung tâm lưu ký các bon là một nhiệm vụ phức tạp đòi hỏi phải xem xét cẩn thận các nguyên tắc khác nhau để đảm bảo tính hiệu quả, minh bạch và toàn vẹn của nó. Từ việc phân tích kinh nghiệm của một số quốc gia trên, khi xây dựng và thị trường các-bon ở Việt Nam, trong đó có việc xây dựng và vận hành sàn giao dịch tín chỉ các-bon, trung tâm dữ liệu lưu ký tín chỉ các-bon, những nguyên tắc chính cần được xem xét khi thiết kế hệ thống đăng ký các-bon:

Một là, Đảm bảo tính minh bạch: Các quy tắc, thủ tục được áp dụng trong hệ thống và những dữ liệu được đăng ký trong hệ thống phải minh bạch và dễ dàng truy cập đối với tất cả các bên liên quan. Tính minh bạch tạo dựng lòng tin giữa những người tham gia, cơ quan quản lý và người dùng, nuôi dưỡng niềm tin vào tính liêm chính của cơ quan đăng ký các-bon.

Hai là, đảm bảo độ chính xác và độ tin cậy trong quy trình thu thập, giám sát và báo cáo dữ liệu phải chính xác và đảm bảo sự tin cậy. Việc đảm bảo độ chính xác của dữ liệu phát thải và các thông tin liên quan khác là rất quan trọng đối với độ tin cậy của cơ quan đăng ký và sự thành công của các chương trình mua bán phát thải.

Ba là: Đảm bảo tính nhất quán và tiêu chuẩn hóa trong việc thiết lập các phương pháp đo lường và báo cáo lượng khí thải. Tiêu chuẩn hóa đảm bảo khả năng so sánh giữa các đơn vị và lĩnh vực khác nhau, tạo điều kiện cho sự tham gia công bằng và bình đẳng trong giao dịch phát thải.

Bốn là, tính bảo mật và toàn vẹn dữ liệu phải được đặt lên hàng đầu: Thực hiện các biện pháp bảo mật hiệu quả để bảo vệ dữ liệu đăng ký khỏi bị truy cập hoặc thao túng trái phép. Đảm bảo tính toàn vẹn và bảo mật dữ liệu là rất quan trọng để duy trì niềm tin của các bên liên quan và ngăn chặn các hoạt động gian lận trong thị trường các-bon.

Năm là, tính linh hoạt và khả năng thích ứng: của hệ thống sao cho linh hoạt và thích ứng với những hoàn cảnh thay đổi, bao gồm những tiến bộ công nghệ và các mục tiêu giảm phát thải đang ngày càng phát triển. Tính linh hoạt cho phép cơ quan đăng ký duy trì tính phù hợp và hiệu quả theo thời gian, đáp ứng những thay đổi trong khung pháp lý hoặc hiệp định quốc tế.

Sáu là, khả năng tương thích quốc tế: Hệ thống đăng ký phù hợp với các tiêu chuẩn và giao thức quốc tế để tạo điều kiện hợp tác quốc tế. Khả năng tương thích với các tiêu chuẩn toàn cầu giúp tăng cường tiềm năng liên kết với các thị trường các-bon khác, thúc đẩy hợp tác và hài hòa hóa quốc tế.

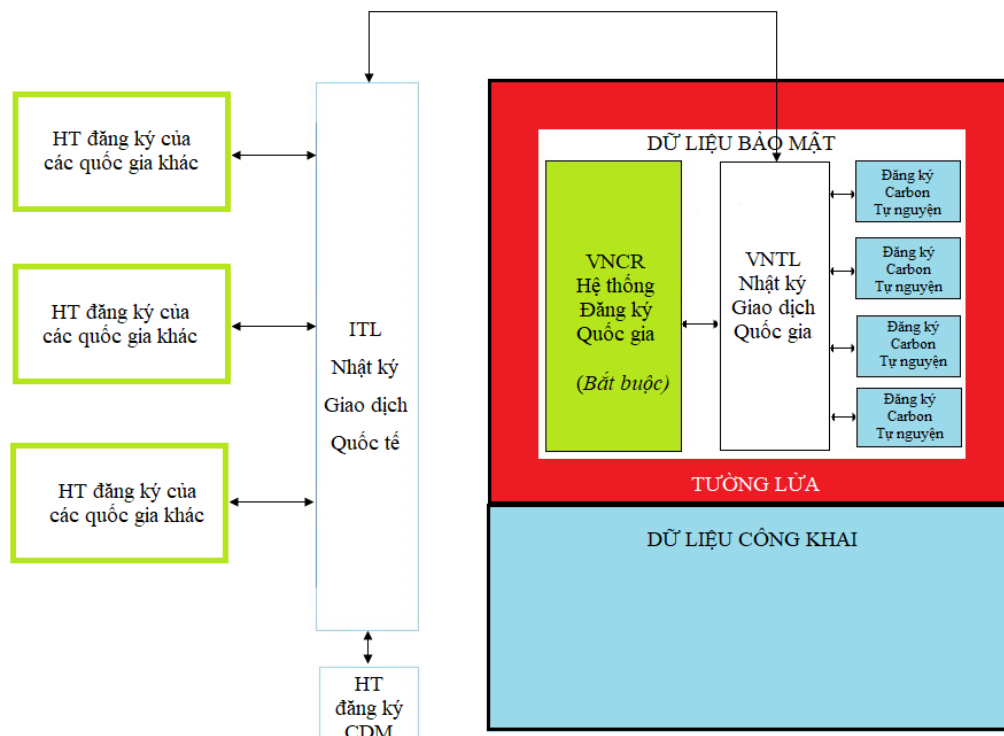
5. Đề xuất mô hình Trung tâm dữ liệu lưu ký và giao dịch quốc tế về tín chỉ các-bon

(1) Tên tiếng Việt: *Trung tâm dữ liệu lưu ký và giao dịch quốc tế về tín chỉ các-bon*

(2) Tên tiếng Anh: *Vietnam Các-bon Registry*

(3) Tên Viết tắt: *VCR*

(4) Hình thức thể hiện: *Theo dạng Cổng thông tin – Gọi là Cổng thông tin CBAM Việt Nam*



Hình 2. Mô hình Trung tâm dữ liệu lưu ký đề xuất

(5) Chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm dữ liệu lưu ký và giao dịch quốc tế về tín chỉ các-bon liên thông với sàn giao dịch tín chỉ các-bon Việt Nam:

Chức năng:

- VCR là một bộ phận của một hệ thống trao đổi phát thải của Việt Nam nói chung và Sàn giao dịch tín chỉ các bon nói riêng;
- Trung tâm VCR là một cơ sở dữ liệu đăng ký về hạn ngạch, tín chỉ phát thải và những thông tin liên quan đến mua bán, trao đổi phát thải được quản lý và vận hành bởi một cơ quan do chính phủ chỉ định;
- Trung tâm này hạch toán điện tử đảm bảo tính chính xác của việc hạch toán các đơn vị hạn ngạch được phát hành trong hệ thống trao đổi phát thải của Việt Nam và các tín chỉ quốc tế;
- Đảm bảo tính tin cậy, toàn vẹn của các dữ liệu được đăng ký;
- Đảm bảo những thông tin phát thải của hệ thống đăng ký được thẩm định các theo các quy trình, thủ tục phù hợp với tiêu chuẩn trong nước và quốc tế, bởi cơ quan độc lập có đủ năng lực, uy tín, được công nhận trong nước và quốc tế;
- Các tiêu chuẩn, định dạng dữ liệu được đảm bảo phù hợp, tương thích với các cơ sở dữ liệu của các hệ thống khác;
- Ghi nhận các loại giao dịch: Phát hành, phân bổ miễn phí, đấu giá, chuyển giao, vay mượn, đổi trừ và hủy bỏ các loại hạn ngạch các-bon bao gồm các giao dịch các tín chỉ quốc tế (như CER, ERU, RMU) được chuyển vào hoặc ra khỏi VCR;
- Quản lý các loại tài khoản được mở tại VCR

6. Một số vấn đề đặt ra đối với xây dựng và vận hành Trung tâm dữ liệu lưu ký và giao dịch quốc tế về tín chỉ các-bon, liên thông với Sàn giao dịch tín chỉ các-bon tại Việt Nam

Cần phải xác định rõ ràng vai trò dự kiến của Trung tâm dữ liệu lưu ký và giao dịch quốc tế về tín chỉ các-bon, liên thông với Sàn giao dịch tín chỉ các-bon tại Việt Nam là cơ bản để cho phép thiết kế ban đầu các tính năng của Trung tâm dữ liệu lưu ký và giao dịch quốc tế về tín chỉ các-bon, liên thông với Sàn giao dịch tín chỉ các-bon tại Việt Nam có thể được điều chỉnh phù hợp với mục tiêu đã xác định.

Vai trò của Trung tâm dữ liệu lưu ký và giao dịch quốc tế về tín chỉ các-bon, liên thông với Sàn giao dịch tín chỉ các-bon tại Việt Nam có thể cải tiến theo thời gian và tính rõ ràng, minh bạch về vai trò này có thể tạo điều kiện thuận lợi cho sự tham gia của các chủ thể tham gia thị trường trong việc thực thi chính sách.

Hiệu quả của Trung tâm dữ liệu lưu ký và giao dịch quốc tế về tín chỉ các-bon, liên thông với Sàn giao dịch tín chỉ các-bon tại Việt Nam được đánh giá dựa trên mục tiêu của nó và những kỳ vọng về kết quả của nó phải được nêu rõ ràng. Trung tâm dữ liệu lưu ký và giao dịch quốc tế về tín chỉ các-bon, liên thông với Sàn giao dịch tín chỉ các-bon tại Việt Nam này có thể được coi là động lực chính cho việc giảm phát thải hoặc đóng vai trò hỗ trợ cho các chính sách khác; nó có thể được coi là thành công nếu lượng phát thải duy trì dưới mức quy

định hoặc nếu nó tạo ra những thay đổi trong đầu tư hoặc trong vận hành hoạt động.

Việc lựa chọn giữa các loại giới hạn khác nhau đối với trao đổi tín chỉ các-bon phụ thuộc vào vai trò dự kiến của nó và tầm quan trọng của việc giảm phát thải có thể dự đoán được đối với các nhà hoạch định chính sách. Giới hạn dựa trên khối lượng tuyệt đối cho phép đánh giá rõ ràng về mức độ giảm phát thải. Mặt khác, giới hạn dựa trên cường độ tạo ra sự linh hoạt khi xử lý các điều kiện kinh tế không chắc chắn nhưng lại ít có khả năng dự đoán hơn về việc giảm phát thải.

Điều cần thiết là phải đảm bảo rằng Trung tâm dữ liệu lưu ký và giao dịch quốc tế về tín chỉ các-bon, liên thông với Sàn giao dịch tín chỉ các-bon tại Việt Nam mang lại khả năng dự đoán chính sách dài hạn. Điều này rất quan trọng trong việc định hướng các quyết định đầu tư.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vuong, Q. H. (2022). The Kingfisher Story Collection. <https://www.amazon.com/dp/B0BG2NNHY6>
2. Liu, T., Wang, Q., & Su, B. (2016). A review of các-bon labeling: Standards, implementation, and impact. *Renewable and Sustainable Energy Reviews*, 53, 68-79. <https://www.sciencedirect.com/science/article/abs/pii/S1364032115009132>
3. Kim, S., & Suh, K. (2023). Statistical inference method for Korean low-các-bon certificate criteria of agricultural products to reflect uncertain conditions. *Journal of Cleaner Production*, 398, 136425. <https://www.sciencedirect.com/science/article/abs/pii/S0959652623005838>
4. Kollmuss, A., Zink, H., & Polycarp, C. (2008). Making sense of the voluntary các-bon market: A comparison of các-bon offset standards. WWF Germany. https://wwf.panda.org/wwf_news/?126700/A-Comparison-of-Các-bon-Offset-Standards-Making-Sense-of-the-Voluntary-Các-bon-Market
5. Wirth, D. A. (2009). The International Organization for Standardization: Private voluntary standards as swords and shields. *Boston College Environmental Affairs Law Review*, 36(1), 173. https://papers.ssrn.com/sol3/papers.cfm?abstract_id=1337766
6. Wu, P., Low, S. P., Xia, B., & Zuo, J. (2014). Achieving transparency in các-bon labelling for construction materials – Lessons from current assessment standards and các-bon labels. *Environmental Science & Policy*, 44, 11-25. <https://www.sciencedirect.com/science/article/abs/pii/S1462901114001324>
7. Levy, C., Mannion, P., & Pinner, D. (2021). A blueprint for scaling voluntary các-bon markets to meet the climate challenge. McKinsey Sustainability. <https://www.mckinsey.com/capabilities/sustainability/our-insights/a-blueprint-for-scaling-voluntary-các-bon-markets-to-meet-the-climate-challenge>
8. Dawes, A., McGeady, C., & Majkut, J. (2023). Voluntary các-bon markets: A review of global initiatives and evolving models. Center for Strategic and International Studies. <https://www.csis.org/analysis/voluntary-các-bon-markets-review-global-initiatives-and-evolving-models>
9. Curmi, E., et al. (2023). Voluntary các-bon market: A critical piece of the net zero puzzle. Citi Global Perspectives &

- Solutions. <https://icg.citi.com/icghome/what-we-think/citigps/insights/voluntary-cac-bon-market>
10. Ashley, M. J., & Johnson, M. S. (2018). Establishing a secure, transparent, and autonomous blockchain of custody for renewable energy credits and cac-bon credits. *IEEE Engineering Management Review*, 46(4), 100-102. <https://ieeexplore.ieee.org/abstract/document/8486626/>
 11. Lenton, T. M., et al. (2019). Climate tipping points — too risky to bet against. *Nature*, 575, 592-595. <https://www.nature.com/articles/d41586-019-03595-0>
 12. Kizzier, K. (2021, Sep. 29). 3 things you need to know about the soaring voluntary cac-bon market. <https://www.edf.org/blog/2021/09/29/3-things-you-need-know-about-soaring-voluntary-cac-bon-market>
 13. Ecosystem Marketplace. (2022, May. 19). Ecosystem marketplace's global cac-bon markets data intelligence and analytics dashboard. <https://data.ecosystemmarketplace.com/>
 14. Greenfield, P. (2023, Jan. 18). Revealed: more than 90% of rainforest cac-bon offsets by biggest certifier are worthless, analysis shows. <https://www.theguardian.com/environment/2023/jan/18/revealed-forest-cac-bon-offsets-biggest-provider-worthless-verra-aoe>
 15. Harvey, F. (2023, Jan. 20). New cac-bon offset standards 'should bring greater scrutiny'. <https://www.theguardian.com/environment/2023/jan/20/new-cac-bon-offset-standards-should-bring-greater-scrutiny>
 16. Denig, B., et al. (2023, Feb. 13). Voluntary cac-bon markets in 2023: A bumpy road behind, crossroads ahead. <https://www.bain.com/insights/voluntary-cac-bon-markets-in-2023-a-bumpy-road-behind-crossroads-ahead/>
 17. Coy, P. (2023, Aug. 23). To fight climate change, we need a better cac-bon market. <https://www.nytimes.com/2023/08/23/opinion/climate-change-cac-bon-offsets.html>